

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C FOOD

Lô V-2E, Đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 – 49

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C FOOD

Lô V-2E, Đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ trang 7 đến trang 49 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận. Tại ngày 12/10/2023, Chi nhánh có Thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Phạm Hợp Phó	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên độc lập HĐQT	

Ban Kiểm soát

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Bà Nguyễn Thị Trường San	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 07/04/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Hội đồng Quản trị

Bà Bùi Thị Mai Hiền

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Châu.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 7 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Hội đồng Quản trị.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2023, khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty ghi nhận khoản chi phí mua đất phát triển làm vùng nguyên liệu để thực hiện Dự án trồng trọt và chăn nuôi với số dư là 48.232.109.589 đồng. Công ty đã nhiều lần gửi văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục chuyển quyền sang tên theo quy định trên hợp đồng, nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành. Theo đó, chúng tôi chưa có cơ sở để đánh giá được tính pháp lý, khả năng chuyển đổi quyền sở hữu đối với các lô đất này, cũng như chưa đánh giá được khả năng thu hồi và chưa có cơ sở để xác định những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số
1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		399.304.809.340	328.729.844.473
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	15.028.157.367	9.869.908.378
Tiền	111		15.028.157.367	9.869.908.378
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		303.745.410.076	242.003.110.865
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	107.689.842.815	106.744.795.625
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	185.642.568.943	137.291.638.033
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	14.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9.721.180.299	3.991.480.438
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(13.308.181.981)	(6.024.803.231)
Hàng tồn kho	140	12	74.286.547.184	74.207.750.067
Hàng tồn kho	141		74.985.266.979	74.207.750.067
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(698.719.795)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.244.694.713	2.649.075.163
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	609.023.638	1.006.166.183
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.501.442.805	1.524.996.825
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	134.228.270	117.912.155
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		272.790.136.410	302.274.929.884
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.020.122.100	4.587.413.955
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.020.122.100	4.587.413.955
Tài sản cố định	220		181.089.207.013	197.329.273.717
Tài sản cố định hữu hình	221	14	86.911.650.199	101.181.340.451
- Nguyên giá	222		157.770.116.812	161.522.455.203
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.858.466.613)	(60.341.114.752)
Tài sản cố định vô hình	227	15	94.177.556.814	96.147.933.266
- Nguyên giá	228		98.071.729.091	98.405.979.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.894.172.277)	(2.258.045.825)
Tài sản dở dang dài hạn	240		55.173.222.994	59.200.324.253
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	55.173.222.994	59.200.324.253
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	20.128.105.832	22.021.060.579
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.103.105.832	19.996.060.579
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		25.000.000	25.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.379.478.471	19.136.857.380
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	15.347.968.593	19.136.857.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	31.509.878	-
TỔNG TÀI SẢN	270		672.094.945.750	631.004.774.357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		301.830.344.635	281.224.243.649
Nợ ngắn hạn	310		287.252.453.843	270.117.472.264
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	20.042.905.883	25.291.421.030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	22.085.958	127.774.573
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	11.541.281.767	9.937.229.616
Phải trả người lao động	314		7.687.976.453	7.589.389.789
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	6.241.430.375	1.056.972.893
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	2.063.467.548	5.811.721.284
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	235.272.213.450	219.924.009.501
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	4.381.092.409	378.953.578
Nợ dài hạn	330		14.577.890.792	11.106.771.385
Phải trả dài hạn khác	337	23	3.201.617.188	2.300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	3.422.550.000	4.981.350.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	18	7.953.723.604	3.825.421.385
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		370.264.601.115	349.780.530.708
Vốn chủ sở hữu	410	26	370.264.601.115	349.780.530.708
Vốn góp của chủ sở hữu	411		306.799.990.000	260.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306.799.990.000	260.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.525.198.670	76.803.652.094
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.003.662.094	51.642.884.365
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		23.521.536.576	25.160.767.729
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		9.939.412.445	12.976.878.614
TỔNG NGUỒN VỐN	440		672.094.945.750	631.004.774.357

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	484.302.574.630	433.080.724.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	9.621.727.537	2.484.878.772
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		474.680.847.093	430.595.846.104
Giá vốn hàng bán	11	29	337.849.311.364	310.582.467.682
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.831.535.729	120.013.378.422
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.867.844.377	1.893.580.195
Chi phí tài chính	22	31	20.375.594.115	14.169.731.498
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19.793.099.131</i>	<i>13.710.223.810</i>
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		107.045.253	(3.939.421)
Chi phí bán hàng	25	32	30.282.533.209	28.969.895.239
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	46.715.061.210	44.397.473.553
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.433.236.825	34.365.918.906
Thu nhập khác	31	33	822.930.771	2.022.219.239
Chi phí khác	32	34	772.188.260	614.293.460
Lợi nhuận khác	40		50.742.511	1.407.925.779
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.483.979.336	35.773.844.685
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	11.083.438.656	6.904.753.220
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	4.096.792.341	2.291.201.041
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.303.748.339	26.577.890.424
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		28.885.964.508	27.707.465.155
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.582.216.169)	(1.129.574.731)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	767	820
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	767	820

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		41.483.979.336	35.773.844.685
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.133.870.606	17.167.696.892
Các khoản dự phòng	03		7.982.098.545	3.455.413.800
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(145.760.766)	88.798.205
(Lãi)/ lỗ hoạt động đầu tư	05		(399.615.372)	(346.459.205)
Chi phí lãi vay	06		19.793.099.131	13.710.223.810
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86.847.671.480	69.849.518.187
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(44.084.088.665)	(86.676.807.432)
(Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		(3.053.337.438)	(17.063.563.501)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.510.537.371)	7.380.007.772
Giảm chi phí trả trước	12		5.703.939.813	1.018.623.145
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.793.099.131)	(13.372.598.810)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.661.458.320)	(6.520.398.308)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	750.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.362.289.101)	(2.556.468.427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.086.801.267	(47.940.937.374)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.899.967.723)	(37.392.300.067)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.058.856.304	374.925.409
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.000.000.000)	(500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	(19.996.060.579)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		11.202.024.570	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145.390.227	155.734.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.493.696.622)	(56.857.701.066)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.202.024.570)	-
Tiền thu từ đi vay	33		467.068.260.405	421.895.676.704
Tiền trả nợ gốc vay	34		(453.278.856.456)	(313.829.220.606)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(202.000.000)	(196.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.385.379.379	107.870.456.098
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.978.484.024	3.071.817.658
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	9.869.908.378	6.845.846.450
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		179.764.965	(47.755.730)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	15.028.157.367	9.869.908.378

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 là 306.799.990.000 đồng, được chia thành 30.679.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận. Tại ngày 12/10/2023, Chi nhánh có Thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 845/QĐ-SGDHN ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 26.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 260.000.000.000 đồng. Ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GCF.

Tổng số nhân viên Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2023 là 517 người (tại 31/12/2022 là 595 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh buôn bán và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại các mặt hàng thực phẩm, hàng nông sản, giá hàng hóa đầu vào, cùng các chính sách khuyến mãi giảm giá sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			31/12/2023	01/01/2023
<u>Công ty con:</u>				
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.	99,50%	99,50%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.	99,29%	99,29%
Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.	88,00%	88,00%
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura (*)	304, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	100,00%	100,00%
<u>Công ty liên kết:</u>				
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	40,00%	0,00%

(*) Theo Nghị quyết của HĐQT số 24/2023/QĐ-HĐQT ngày 09/08/2023, Công ty tiến hành giải thể và chấm dứt hoạt động tại ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định về việc giải thể doanh nghiệp số 24/2023/QĐ-GC ngày 20/10/2023 của Chủ sở hữu Công ty và Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp số 01/TB-PURA ngày 20/10/2023 của Công ty. Công ty đã nhận được Thông báo số 2293/TB-CCTBTH ngày 07/02/2024 về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể lên Sở Kế hoạch Tp. Hồ Chí Minh.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được cho Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 38 và 39 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm GC Food được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Nhóm Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (chi phí xây dựng thành phẩm bất động sản để bán) được trình bày tại chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn”. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Hội đồng Quản trị cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 35
Máy móc, thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
Tài sản cố định khác	05 – 06

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.10 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thể thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thể thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thể thương mại này.

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

5.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.13 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt: 17% tính trên thu nhập chịu thuế;
- Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C Food, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam, Công ty Cổ phần Năng và Gió: 20% tính trên thu nhập chịu thuế;

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.15 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.15 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.15 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành ghi nhận trong năm.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Ngoài Công ty con ở Mỹ chưa đi vào hoạt động, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

5.16 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền đi động các giao dịch của khách nợ đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

5.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Nhóm Công ty là các Công ty liên kết do Nhóm Công ty đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	438.704.887	185.441.451
Tiền gửi ngân hàng	14.589.452.480	9.684.466.927
Cộng	15.028.157.367	9.869.908.378

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	107.689.842.815	(13.280.181.981)	106.744.795.625	(6.024.803.231)
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(11.600.000.000)	11.600.000.000	(5.800.000.000)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	22.423.578.978	-	-	-
- Công ty CP Sữa Việt Nam và các chi nhánh	4.993.002.567	-	10.604.730.351	-
- Công ty CP Thực Phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	7.401.688.500	-	9.591.752.160	-
- Lotte Chilsung Beverage Co.,ltd	4.009.795.200	-	-	-
- Ông Sáu Dương Hải	3.954.237.000	-	2.254.917.000	-
- Bà Câu Thị Tây Thi	3.515.186.500	-	1.301.475.000	-
- Ông Trịnh Phương	3.054.942.451	-	3.781.952.811	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.000.003.000	-	10.137.782.780	-
- Bà Nguyễn Thị Kim Quy	2.568.302.005	-	3.434.463.005	-
- Woongjin Foods Co.,ltd	1.901.196.000	-	-	-
- Sojitz Food Corp.	837.294.400	-	4.387.970.400	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.430.616.214	(1.680.181.981)	49.649.752.118	(224.803.231)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	25.423.581.978	-	10.137.782.780	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.000.003.000	-	10.137.782.780	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	22.423.578.978	-	-	-

(*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng chuyên nhượng. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã gửi đơn tố giác và được cơ quan chức năng nhận hồ sơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	185.642.568.943	-	137.291.638.033	-
- Nhà cung cấp bao tiêu nguồn nguyên liệu (*)	162.745.310.192	-	121.392.693.417	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	22.897.258.751	-	15.898.944.616	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	-	-	-	-

(*) Khoản ứng tiền trước cho nhà cung cấp truyền thống nông dân, hộ kinh doanh cá thể bao tiêu mua nông sản nhà đăm, dừa, bắp... tại Ninh Thuận và Bền Tre. Đến ngày phát hành báo cáo này:

- Khoản ứng cho các hộ bao tiêu nhà đăm tại Ninh Thuận đã được hoàn ứng do không thực hiện hợp đồng với số tiền là 133.165.310.192 đồng.
- Khoản ứng cho các hộ bao tiêu dừa tại Bền Tre chưa đến kỳ thu hoạch với số tiền là 29.580.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	Giá trị VND	Giá trị VND
Ngắn hạn	9.721.180.299	3.991.480.438
<i>a. Tạm ứng</i>	<i>4.910.336.075</i>	<i>3.282.909.788</i>
<i>b. Phải thu khác</i>	<i>4.748.763.132</i>	<i>688.570.650</i>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô (1)	3.959.295.050	-
- Phải thu lãi cho vay	299.178.082	-
- Phải thu khác	490.290.000	688.570.650
<i>c. Ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>62.081.092</i>	<i>20.000.000</i>
Dài hạn	1.020.122.100	4.587.413.955
- Phải thu khác	-	3.870.087.705
- Ký cược, ký quỹ dài hạn (2)	1.020.122.100	717.326.250
Cộng	10.741.302.399	8.578.894.393
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>3.962.121.871</i>	<i>6.866.699.705</i>
- Ông Nguyễn Văn Thứ	1.965.509.871	1.000.000.000
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	-	3.870.087.705

(1) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô theo Thông báo về việc giải quyết thi hành án số 614/TB-CCTHADS ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng liên quan đến chi phí mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo Hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án CocoBay - Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô là Chủ đầu tư, có trụ sở tại 614 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngoài ra, số tiền thu nhập cam kết và vi phạm hợp đồng phải thu là 1.563.747.791 đồng theo Thông báo này chưa đủ điều kiện ghi nhận trên báo cáo.

(2) Chi tiết số dư ký quỹ bao gồm:

- Ký quỹ thuê văn phòng tại 11C Nguyễn Hữu Cảnh Q. Bình Thạnh: 180.000.000 đồng.
- Ký quỹ làm dự án cho Sở Kế Hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận : 300.000.000 đồng.
- Ký quỹ các khoản khác: 540.122.100 đồng.

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	14.000.000.000	-
- Bà Đồng Thị Nụ (*)	14.000.000.000	-

(*) Là khoản tiền Công ty cho Bà Đồng Thị Nụ vay theo Hợp đồng vay số 03VNCC-DTN ngày 19/09/2023; lãi suất cho vay là 7,5%/năm; thời hạn cho vay đến ngày 29/02/2024. Đến thời điểm lập báo cáo này, khoản tiền cho vay trên đã được thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

11. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.600.000.000	(11.600.000.000)	11.600.000.000	(5.800.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	3.684.260.465	(1.708.181.981)	449.606.462	(224.803.231)
Các khoản khác				
Cộng	15.284.260.465	(13.308.181.981)	12.049.606.462	(6.024.803.231)
		1.976.078.484		224.803.231
				5.800.000.000

(*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

12. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	14.997.920.390	-	8.952.183.830	-
Công cụ, dụng cụ	2.071.955.681	-	1.404.781.613	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	32.612.629.075	-	38.392.377.681	-
Thành phẩm	24.175.917.596	(698.719.795)	24.373.485.812	-
Hàng hóa	1.126.844.237	-	1.084.921.131	-
Cộng	74.985.266.979	(698.719.795)	74.207.750.067	-

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại Công ty chủ yếu là các loại nông sản như nho, ổi, táo, dưa... và các loại gia súc như: bò thịt, cừu đang trong giai đoạn sắp đến ngày thu hoạch.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	609.023.638	1.006.166.183
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	139.704.728	610.128.843
- Chi phí trả trước khác	469.318.910	396.037.340
Dài hạn	15.347.968.593	19.136.857.380
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.825.585.827	3.061.376.431
- Chi phí trả trước của nông trại	305.544.127	1.558.274.028
- Chi phí đầu tư ban đầu trồng trọt	2.897.690.930	3.439.091.542
- Chi phí thuê đất	377.486.683	1.590.333.589
- Chi phí trả trước khác	1.450.564.250	1.684.555.982
- Lợi thế quyền thuê đất (*)	7.491.096.776	7.803.225.808
Cộng	15.956.992.231	20.143.023.563

(*) Lợi thế quyền thuê đất có thời hạn 31 năm tại KCN Hồ Nai, Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2023	79.815.229.442	49.400.734.512	11.877.948.687	137.239.950	9.915.149.675	10.376.152.937	161.522.455.203
- Mua trong năm	-	2.478.479.360	-	-	-	73.000.000	2.551.479.360
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.552.278.155	3.476.943.948	36.578.462	-	-	-	8.065.800.565
- Thanh lý, nhượng bán	(3.950.481.208)	(6.174.724.341)	(1.675.345.455)	-	(2.525.867.312)	(43.200.000)	(11.800.551.004)
Tại 31/12/2023	80.417.026.389	49.181.433.479	10.239.181.694	137.239.950	7.389.282.363	10.405.952.937	157.770.116.812
HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại 01/01/2023	(22.043.244.620)	(26.244.690.215)	(5.208.188.818)	(133.401.866)	(4.999.638.619)	(1.711.950.614)	(60.341.114.752)
- Khấu hao trong năm	(5.968.345.549)	(6.323.245.717)	(1.369.591.588)	(3.838.084)	(1.400.935.920)	(1.431.787.296)	(16.497.744.154)
- Thanh lý, nhượng bán	1.614.779.015	2.647.067.823	1.675.345.455	-	-	43.200.000	5.937.192.293
Tại 31/12/2023	(26.396.811.154)	(29.920.868.109)	(4.902.434.951)	(137.239.950)	(6.400.574.539)	(3.100.537.910)	(70.858.466.613)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2023	57.771.984.822	23.156.044.297	6.669.759.869	3.838.084	4.915.511.056	8.664.202.323	101.181.340.451
Tại 31/12/2023	54.020.215.235	19.260.565.370	5.336.746.743	-	988.707.824	7.305.415.027	86.911.650.199

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 25.996.191.199 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 9.758.889.004 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023: 24.077.809.042 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 31.816.014.928 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2023	97.944.070.000	461.909.091	98.405.979.091
- Thanh lý, nhượng bán	(334.250.000)	-	(334.250.000)
Tại 31/12/2023	97.609.820.000	461.909.091	98.071.729.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2023	(2.118.702.380)	(139.343.445)	(2.258.045.825)
- Khấu hao trong năm	(1.489.477.956)	(146.648.496)	(1.636.126.452)
Tại 31/12/2023	(3.608.180.336)	(285.991.941)	(3.894.172.277)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	95.825.367.620	322.565.646	96.147.933.266
Tại 31/12/2023	94.001.639.664	175.917.150	94.177.556.814

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là: 88.904.776.386 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 90.266.625.661 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	920.827.460	1.447.845.232
Mua đất xây văn phòng và làm trang trại (*)	48.232.109.589	48.232.109.589
Căn hộ CocoBay Đà Nẵng (**)	-	3.959.295.050
Chi phí xây dựng cơ bản khác	6.020.285.945	5.561.074.382
Cộng	55.173.222.994	59.200.324.253

(*) Đầu tư dự án mua đất phát triển làm vùng nguyên liệu: Công ty Cổ phần Năng và Gió nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa Số 99, 111, 106, 126, 133 Tờ bản đồ địa chính số 73 Thôn Mỹ Hiệp, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, thửa Số 167, 168, 169, 172, 173, tờ bản đồ địa chính 71, thửa Số 27, 28, 29, 41, 42, 43, 44, 45, 90, 164, 166, 184 Tờ bản đồ địa chính 70, 71 Thôn Phú Thạnh, xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận để thực hiện Dự án trồng trọt và chăn nuôi. Công ty đã gửi văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận để tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển đổi sang tên. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên.

(**) Như đã thuyết minh tại số 9 theo Thông báo về việc giải quyết thi hành án số 614/TB-CCTHADS ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng liên quan đến chi phí mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo Hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án CocoBay - Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô là Chủ đầu tư. Theo đó, Công ty đã điều chỉnh số tiền đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô để mua 2 căn hộ sang khoản phải thu Công ty này do chưa được bàn giao căn hộ cũng như chưa được chuyển quyền sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2023 (VND)		Tại 01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	20.103.105.832	20.000.000.000	19.996.060.579
+ Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đối Sải Gòn	20.000.000.000	20.103.105.832	20.000.000.000	19.996.060.579
Cộng	20.000.000.000	20.103.105.832	20.000.000.000	19.996.060.579

Tại 31/12/2023 (VND)

	Tại 31/12/2023 (VND)		Tại 01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
+ Công ty TNHH Matsumoto Farm	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000	2.025.000.000	2.025.000.000

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
a. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	31.509.878	-
Cộng	31.509.878	-
b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	7.953.723.604	3.825.421.385
Cộng	7.953.723.604	3.825.421.385

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	20.042.905.883	20.042.905.883	25.291.421.030	25.291.421.030
- Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	2.042.995.500	2.042.995.500	-	-
- Công ty TNHH Sản Xuất Minh Tân Phát	1.248.737.008	1.248.737.008	324.928.800	324.928.800
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	1.190.746.332	1.190.746.332	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	1.115.420.053	1.115.420.053	1.364.780.652	1.364.780.652
- Trung tâm Khai Thác Hạ Tầng & Hỗ Trợ Đầu Tư	1.020.262.677	1.020.262.677	880.902.243	880.902.243
- Công ty Công Nghiệp Tân Á	623.682.288	623.682.288	1.498.202.352	1.498.202.352
- Công ty TNHH Dừa Đãng Khoa	505.804.014	505.804.014	4.824.471.078	4.824.471.078
- Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu Đồng Nai	-	-	1.325.030.703	1.325.030.703
- Công ty CP Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa	-	-	2.315.176.500	2.315.176.500
- Phải trả người bán khác	12.295.258.011	12.295.258.011	12.757.928.702	12.757.928.702
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.192.704.519	1.192.704.519	15.609.975	15.609.975
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	1.192.704.519	1.192.704.519	15.609.975	15.609.975
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	17.800.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.085.958	22.085.958	127.774.573	127.774.573
- Người mua ứng trước khác	22.085.958	22.085.958	127.774.573	127.774.573
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2023		Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	694.257.793	117.912.152	11.983.181.713	(14.668.132.922)	3.379.209.005	117.912.155
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu - phải nộp	-	-	186.846.993	(186.846.993)	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	387.391.283	(387.391.283)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	10.543.049.674	16.316.118	11.083.438.656	(6.661.458.320)	6.104.753.220	-
- Thuế thu nhập cá nhân	303.974.300	-	1.646.918.484	(1.796.211.575)	453.267.391	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	14.000.000	(14.000.000)	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	11.974.720	(11.974.720)	-	-
Cộng	11.541.281.767	134.228.270	25.313.751.849	(23.726.015.813)	9.937.229.616	117.912.155

(*) Số thuế còn phải thu là của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C Food.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lương, thưởng	1.489.971.223	314.139.413
- Các khoản trích trước khác	4.751.459.152	742.833.480
Cộng	6.241.430.375	1.056.972.893

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	2.063.467.548	5.811.721.284
- Kinh phí công đoàn	94.195.710	283.765.645
- Phải trả cổ tức	193.250.000	960.856.333
- Phải trả, phải nộp khác	799.621.838	3.530.699.306
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	976.400.000	1.036.400.000
Dài hạn	3.201.617.188	2.300.000.000
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>		
Cộng	5.265.084.736	8.111.721.284

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2023			Trong năm			Tại 01/01/2023		
	Giá trị	Số có khả năng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ (VND)	VND	VND	VND	VND	trả nợ (VND)	VND	trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn									
a. Vay ngắn hạn ngân hàng									
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư (1)	235.272.213.450	235.272.213.450	468.627.060.405	453.278.856.456	219.924.009.501	219.924.009.501	219.924.009.501	202.865.209.501	202.865.209.501
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa (2)	213.213.413.450	213.213.413.450	408.709.026.747	398.360.822.798	202.865.209.501	202.865.209.501	202.865.209.501	76.141.996.091	76.141.996.091
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Ninh Thuận (3)	49.121.314.024	49.121.314.024	98.553.090.544	125.573.772.611	76.141.996.091	76.141.996.091	76.141.996.091	-	-
- Ngân hàng Shinhan Việt Nam - CN Đồng Nai (6)	53.615.367.110	53.615.367.110	105.367.826.157	83.742.856.544	31.990.397.497	31.990.397.497	31.990.397.497	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa (2)	90.506.754.816	90.506.754.816	184.818.132.546	189.044.193.643	94.732.815.913	94.732.815.913	94.732.815.913	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Ninh Thuận (3)	19.969.977.500	19.969.977.500	19.969.977.500	-	-	-	-	-	-
b. Vay cá nhân									
- Ông Võ Thành Trự (7)	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-
c. Vay dài hạn đến hạn trả									
- Ngân hàng TMCP Công thương Thương Việt Nam - CN Ninh Thuận (3)	21.558.800.000	21.558.800.000	59.918.033.658	54.918.033.658	16.558.800.000	16.558.800.000	16.558.800.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (4)	390.000.000	390.000.000	390.000.000	390.000.000	390.000.000	390.000.000	390.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (5)	727.200.000	727.200.000	727.200.000	727.200.000	727.200.000	727.200.000	727.200.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (5)	20.000.000.000	20.000.000.000	58.359.233.658	53.359.233.658	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Ninh Thuận (5)	441.600.000	441.600.000	441.600.000	441.600.000	441.600.000	441.600.000	441.600.000	-	-
Vay dài hạn									
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Ninh Thuận (3)	3.422.550.000	3.422.550.000	-	1.558.800.000	4.981.350.000	4.981.350.000	4.981.350.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai (4)	428.550.000	428.550.000	-	390.000.000	818.550.000	818.550.000	818.550.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (5)	1.905.800.000	1.905.800.000	-	727.200.000	2.633.000.000	2.633.000.000	2.633.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Ninh Thuận (5)	1.088.200.000	1.088.200.000	-	441.600.000	1.529.800.000	1.529.800.000	1.529.800.000	-	-
Cộng	238.694.763.450	238.694.763.450	468.627.060.405	454.837.656.456	224.905.359.501	224.905.359.501	224.905.359.501	224.905.359.501	224.905.359.501

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tên đối tượng	Số hợp đồng	Lãi suất	Số dư	Hình thức bảo đảm
(1) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư	Số 01/2023/11246269/HĐTD	Theo GNN	49.121.314.024	Thế chấp
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	Số 69/2023-HĐCVHM/NHCT682-GC Số 41/2023-HĐCVHM/NHCT682-VNCC	Theo GNN Theo GNN	4.542.725.000 49.072.642.110	Thế chấp Thế chấp
(3) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	Số 490068/2022-HĐCVHM/NHCT610-CĐV Số 490079/2023-HĐCVHM/NHCT610-NANGGIO Số 230080/2020-HĐCĐA/T/NHCT610-SW (3)	6,5% - 6,8%/năm 9,9%/năm 12,5%/năm	59.478.027.828 31.028.726.988 818.550.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 2022316_3/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_1/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_4/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022606_1/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_2/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022697/HĐTD/KHBL/NHNT	9,3%/năm 9,3%/năm 9,3%/năm 10,8%/năm 10,8%/năm 12%/năm	491.900.000 368.900.000 337.200.000 550.000.000 469.400.000 415.600.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	Số 0311/NTH/CD Số 0701/NTH/CD Số 1028/NTH/211222/HM	8,4% - 8,7%/năm 8,7%/năm 6,8%/năm	849.700.000 680.100.000 20.000.000.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(6) Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 130-004-784205	5,7%/năm	19.969.977.500	Thế chấp
(7) Vay cá nhân ông Võ Thành Trợ	Số 06/2023/SW-VTT	12%/năm	500.000.000	Tín chấp

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Số đầu năm	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
- Tăng trong năm	VND	VND
- Chi quỹ trong năm	378.953.578	2.118.915.808
Số cuối năm	5.364.427.932	2.546.697.426
	1.362.289.101	4.286.659.656
	4.381.092.409	378.953.578

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại 01/01/2022	260.000.000.000	51.642.884.365	14.242.453.345	325.885.337.710
- Lợi nhuận trong năm	-	27.707.465.155	(1.129.574.731)	26.577.890.424
- Cổ tức bằng tiền	-	-	(136.000.000)	(136.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	(2.546.697.426)	-	(2.546.697.426)
Tại 31/12/2022	260.000.000.000	76.803.652.094	12.976.878.614	349.780.530.708
Tại 01/01/2023	260.000.000.000	76.803.652.094	12.976.878.614	349.780.530.708
- Lợi nhuận trong năm	-	28.885.964.508	(2.582.216.169)	26.303.748.339
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2023	-	(5.364.427.932)	-	(5.364.427.932)
- Cổ tức bằng tiền	-	-	(455.250.000)	(455.250.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận lũy kế bằng cổ phiếu (*)	46.799.990.000	(46.799.990.000)	-	-
Tại 31/12/2023	306.799.990.000	53.525.198.670	9.939.412.445	370.264.601.115

(*) Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 306.799.990.000 đồng, được chia thành 30.679.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

26.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Văn Thứ	40,00%	122.720.000.000	40,00%	104.000.000.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư	19,23%	59.001.180.000	19,23%	50.001.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,62%	4.956.000.000	1,62%	4.200.000.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nga	1,68%	5.143.620.000	1,68%	4.359.000.000
Các cổ đông khác	37,47%	114.979.190.000	37,47%	97.440.000.000
Cộng	100%	306.799.990.000	100%	260.000.000.000

26.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	46.799.990.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	306.799.990.000	260.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-
Cổ tức chia bằng cổ phiếu (*)	46.799.990.000	-

(*) Xem thuyết minh tại 26.1

26.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.679.999	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.679.999	26.000.000
+ Cổ phiếu thường	30.679.999	26.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.679.999	26.000.000
+ Cổ phiếu thường	30.679.999	26.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

27. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	1.473.173.243	61.258,92	4.140.866.143	176,882.82
RUB	1.364.445	5,615.00	-	-

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a. Tổng Doanh thu	484.302.574.630	433.080.724.876
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	483.571.742.248	432.875.566.520
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.956.364	133.294.080
- Doanh thu bán điện mặt trời	688.876.018	71.864.276
b. Doanh thu với các bên liên quan	1.571.388.022	3.000.003.000
c. Các khoản giảm trừ doanh thu	9.621.727.537	2.484.878.772
- Chiết khấu thương mại	6.570.712.015	1.424.470.480
- Hàng bán bị trả lại	647.280.111	316.045.752
- Giảm giá hàng bán	2.403.735.411	744.362.540

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	336.635.762.444	310.181.324.798
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	136.105.184	326.195.580
Giá vốn bán điện mặt trời	378.723.941	74.947.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	698.719.795	-
Cộng	337.849.311.364	310.582.467.682

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	444.568.309	159.686.171
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.268.337.302	1.712.509.024
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	145.760.766	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.178.000	21.385.000
Cộng	1.867.844.377	1.893.580.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	19.793.099.131	13.710.223.810
Chiết khấu thanh toán	2.951.380	437.784
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	579.276.205	370.007.699
Lỗi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	-	88.798.205
Chi phí tài chính khác	267.399	264.000
Cộng	20.375.594.115	14.169.731.498

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	30.282.533.209	28.969.895.239
- Chi phí nhân viên bán	3.558.827.937	2.888.315.029
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.180.549.622	1.431.076.361
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	93.331.838	168.982.320
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.690.634.156	23.957.556.994
- Chi phí bằng tiền khác	759.189.656	523.964.535
Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.715.061.210	44.397.473.553
- Chi phí nhân viên quản lý	23.392.995.305	23.677.606.139
- Chi phí vật liệu, bao bì	272.511.814	378.240.107
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	934.069.084	857.208.964
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.420.878.719	1.964.835.366
- Thuế, phí và lệ phí	867.244.489	394.022.914
- Chi phí dự phòng	7.283.378.750	3.455.413.800
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.825.165.524	9.213.029.052
- Chi phí bằng tiền khác	4.718.817.525	4.457.117.211

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	90.909.090	178.484.846
Lãi thanh lý CCDC	30.567.083	170.988.188
Thu nhập khác	701.454.598	1.672.746.205
Cộng	822.930.771	2.022.219.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thanh lý TSCĐ	200.302.545	-
Thanh lý CCDC	3.429.287	302.277
Tiền phạt thuế và vi phạm hành chính khác	24.286.457	407.450.186
Chi phí khác	544.169.971	206.540.997
Cộng	772.188.260	614.293.460

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	246.072.723.701	233.471.063.669
Chi phí nhân công	83.108.418.441	84.029.045.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.133.870.606	17.167.696.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.200.787.900	48.739.558.576
Chi phí bằng tiền khác	24.293.421.607	18.275.236.934
Cộng	419.809.222.255	401.682.601.822

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.483.979.336	35.773.844.685
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	4.922.401.128	3.098.934.603
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	26.332.866.404	14.869.506.601
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(21.410.465.277)	(11.770.571.997)
Chuyển lỗ	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	46.406.380.464	38.872.779.288
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	29.593.344.424	9.879.358.025
Thu nhập tính thuế với thuế suất 17%	16.813.036.040	28.993.421.264
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.193.049.674	6.904.753.220
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh lại 2020 (*)	(109.611.018)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.083.438.656	6.904.753.220

(*) Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt thực hiện kê khai bổ sung lần 1, thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ tính thuế 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	4.096.792.341	2.291.201.041
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.096.792.341	2.291.201.041

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	28.885.964.508	27.707.465.155
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(5.364.427.932)	(2.546.697.426)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) (*)	30.679.999	30.679.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	767	820

(*) Trong năm 2023, Công ty đã phát hành 4.679.999 cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 18% mệnh giá tương đương 46.799.990.000 đồng. Do đó, số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2022 được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

39. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong năm 2022 cũng được điều chỉnh hồi tố do trong năm 2023 Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu như đã trình bày ở Thuyết minh số 38.

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:
Năm 2023

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ
Giá vốn bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Tài sản

Tổng Nợ phải trả

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

	Bán hàng hóa, thành phẩm VND	Bán điện mặt trời VND	Cộng VND
	473.991.971.075	688.876.018	474.680.847.093
	(337.470.587.423)	(378.723.941)	(337.849.311.364)
	136.521.383.652	310.152.077	136.831.535.729
			(76.997.594.419)
			59.833.941.310
			1.867.844.377
			(20.375.594.115)
			107.045.253
			822.930.771
			(772.188.260)
			(11.083.438.656)
			(4.096.792.341)
			26.303.748.339
			672.094.945.750
			301.830.344.635

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM GC FOOD
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2022

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bộ phận

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Tài sản

Tổng Nợ phải trả

	Bán hàng hóa, thành phẩm VND	Điện mặt trời VND	Cộng VND
	430.523.981.828	71.864.276	430.595.846.104
	(310.507.520.378)	(74.947.304)	(310.582.467.682)
	120.016.461.450	(3.083.028)	120.013.378.422
			(73.367.368.792)
			46.646.009.630
			1.893.580.195
			(14.169.731.498)
			(3.939.421)
			2.022.219.239
			(614.293.460)
			(6.904.753.220)
			26.577.890.424
			631.004.774.357
			281.224.243.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Cty Cổ phần Fesdy	Công ty cùng hệ thống
Cty TNHH An Hạnh Thông	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Thứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Cổ đông nắm giữ cổ phần đáng kể
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT
Ông Lê Hoành Sử	Thành viên HĐQT độc lập

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.423.578.978	-
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	17.800.000	-
2. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.003.000	10.137.782.780
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	1.192.704.519	15.609.975
- Phải thu tiền cho mượn	-	3.870.087.705
3. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Tạm ứng	1.965.509.871	1.000.000.000
- Phải trả khác	138.625.000	-
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
- Tạm ứng	351.440.150	(6.840.000)
5. Bà Bùi Thị Mai Hiền		
- Tạm ứng	50.000.000	3.700.000
- Phải trả khác	66.625.000	-
6. Ông Nguyễn Diệp Pháp		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
1. Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn		
- Thanh toán tiền mua hàng	45.125.640	-
2. Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh		
- Góp vốn	4.000.000.000	-
- Chuyển nhượng cổ phần	4.000.000.000	-
- Bán hàng hóa	115.000.000	-
- Thanh lý tài sản	503.788.923	-
3. Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh		
- Góp vốn	4.000.000.000	-
- Chuyển nhượng cổ phần	4.000.000.000	-
- Cho mượn	50.000.000	-
- Thu tiền cho mượn	50.000.000	-
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.218.232.463	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	219.462.500	-
- Thanh lý tài sản	20.462.062.657	-
4. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	238.155.559	3.000.003.000
- Mua hàng hóa, dịch vụ	10.956.565.516	26.128.975
- Cho mượn tiền	3.870.087.705	-
- Thu tiền cho mượn	-	-
5. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Trả cổ tức	117.000.000	28.000.000
- Chia cổ tức năm 2023	87.625.000	-
- Tạm ứng	72.727.927.987	39.329.452.400
- Hoàn tạm ứng	71.822.418.116	38.329.452.400
- Cho mượn tiền	-	-
- Thu tiền cho mượn	-	-
6. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
- Tạm ứng	602.709.300	389.272.480
- Hoàn tạm ứng	1.819.429.150	396.112.480
- Vay tiền	1.699.327.360	
- Trả tiền vay	1.351.930	
7. Bà Bùi Thị Mai Hiên		
- Tạm ứng	50.000.000	96.413.979
- Hoàn tạm ứng	3.700.000	92.713.979
- Chia cổ tức năm 2023	66.625.000	-
8. Ông Nguyễn Diệp Pháp		
- Tạm ứng	102.592.534	159.976.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

41. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc		2.263.752.057	2.587.869.147
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc	617.191.250	767.348.814
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng truyền thông	374.388.750	464.920.673
- Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng B2B	649.886.058	709.873.993
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	622.285.999	645.725.667
Thù lao của Hội đồng Quản trị		372.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	84.000.000	-
- Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	72.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	72.000.000	-
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	72.000.000	-
- Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên	72.000.000	-
Thù lao của Ban Kiểm soát		81.666.663	49.999.995
- Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban	49.999.995	29.999.997
- Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	31.666.668	19.999.998
Cộng		<u>2.717.418.720</u>	<u>2.637.869.142</u>

42. THÔNG TIN KHÁC

42.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam số TVP01-2020/GC-CC ngày 01/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01.2021/PLHD/TVP01-2020/GC-CC về việc gia hạn hợp đồng thuê từ 01/01/2021 đến 31/12/2025, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng (ổn định trong 05 năm).
- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Ông Nguyễn Thanh Tùng ký ngày 11/09/2023. Thời gian thuê 05 năm từ 12/01/2023 đến 11/01/2028. Giá thuê 02 năm đầu (từ 11/09/2023 đến 11/01/2025) là 87.000.000 đồng/tháng; giá thuê 02 năm tiếp theo (từ 12/01/2025 đến 11/01/2027) là 95.700.000 đồng/tháng; giá thuê năm thứ 05 (từ 12/01/2027 đến 11/01/2028) là 100.485.000 đồng/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

42. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

42.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

42.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

42.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán, trong đó một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại như được nêu tại Thuyết minh số 38 và 39 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2022 đã kiểm toán VND/Cổ phiếu	Năm 2022 sau điều chỉnh VND/Cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	38	968	820
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	39	968	820

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

